TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-ST
Ngày: 06/02/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Huỳnh Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Mai Th, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 148, đường LL, khu phố 4, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Mai Th: Ông Trương Phúc T, sinh năm 1982, địa chỉ: Số 40, đường Lý TTr, khu phố 2, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 06/10/2017);

-*Bị đơn:* Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp TQ, xã ThTr, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Th, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 17, đường Ngô Văn M, khu phố 4, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An.

Ông Lê Văn Nh vắng mặt có đơn xin hoãn phiên tò, bà Lê Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trương Phúc T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 01/10/2016, ông Lê Văn Nh có vay của bà Lê Thị Mai Th số tiền 120.000.000 đồng, ông Nh có viết biên nhận và hẹn trong tháng 10 năm 2016 sẽ trả số tiền trên cho bà Th. Khi đến hạn bà Th đòi nhiều lần nhưng ông Nh chỉ hẹn mà không trả số tiền trên cho bà Th. Do đó bà Th khởi kiện ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Nh trả cho bà Th số tiền gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà Th vẫn giữ nguyên quan điểm của bà Th, yêu cầu ông Nh trả cho bà Th 120.000.000 đồng đã vay, tiền lãi không yêu cầu.

Bị đơn ông Lê Văn Nh thể hiện ý kiến tại Bản tường thuật gửi cho Tòa án qua đường bưu điện như sau:

Vào năm 2006, ông Nh có quen bà Lê Thị T, cư ngụ tại khu phố 4, phường 1, thị xã KT, tỉnh Long An và chung sống như vợ chồng với bà T, đến năm 2016 thì ông với bà T chấm dứt quan hệ. Trong thời gian chung sống với bà T, ông nhiều lần đứng ra ký biên nhận vay tiền của người khác nhưng do bà T là người trực tiếp nhận tiền, trong những lần vay tiền đó có cả số tiền vay 120.000.000 đồng ông ký biên nhận vay của bà Lê Thị Mai Th là em dâu của bà T và bà T là người nhận tiền. Ông Nh cho rằng thực tế ông chỉ vay 100.000.000 đồng của bà Th nhưng do sau đó ông không đóng tiền lãi nên bà Th yêu cầu nhập lãi vào tiền gốc và viết lại biên nhận mới thành số tiền vay là 120.000.000 đồng. Ông Nh cho rằng do ông ký giấy nợ với bà Th nên ông đồng ý trả tiền cho bà Th và đề nghị cho ông thời gian 03 tháng ông sẽ bán đất trả tiền cho bà Th.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2017 như sau:

Giữa bà với ông Lê Văn Nh không có sống chung như vợ chồng như ông Nh trình bày mà chỉ là chỗ quen biết, còn bà Th là em dâu của bà. Về việc ông Nh vay mượn tiền của bà Th thì bà T cho rằng trước đây bà biết ông Nh có vay tiền của bà Th nhưng chỉ vay số tiền nhỏ và đã trả rồi. Gần đây, bà T có nghe con bà là Phạm Thị Mộng Tr nói lại là ông Nh có vay của bà Th số tiền 120.000.000 đồng và chưa trả. Bà T không nhớ vào thời gian nào có thấy ông Nh vay tiền của bà Th và có viết biên nhận cho bà Th, sự việc này bà biết là do nhà bà Th ở gần nhà bà, ông Nh vay tiền để làm gì thì bà T không biết. Bà T có biết ông Nh có trả cho bà Th 12.000.000 đồng nhưng không biết là tiến gốc hay tiền lãi vì ông Nh trả tiền cho bà Th tại bàn đá trước cửa nhà bà. Bà T xác định việc ông Nh vay tiền của bà Th là việc riêng của ông Nh mà không liên quan gì đến bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự trong vụ án thì nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân

sự, riêng bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng cho rằng nguyên đơn khởi kiện bị đơn và đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là biên nhận nợ do ông Nh ký tên vào ngày 01/10/2016 với số tiền ông Nh đã vay của Th là 120.000.000 đồng. Ông Nh cũng thừa nhận có mượn của bà Th số tiền 120.000.000 đồng và có ký biên nhận nhưng cho rằng số tiền này do bà Lê Thị T trực tiếp nhận. Tuy nhiên, bà T cho rằng bà không có liên quan gì đến số tiền ông Nh vay của bà Th và bà có thấy ông Nh có trả cho bà Th 12.000.000 đồng nhưng không biết là tiền gì. Lời trình bày của ông Nh không được bà T và bà Th thừa nhận và ông Nh cũng không xuất trình được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị Mai Th tranh chấp với ông Lê Văn Nh về số tiền 120.000.000 đồng bà đã cho ông Nh vay nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn Nh có nơi cư trú tại ấp TQ, xã ThTr, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Mai Th ủy quyền cho ông Trương Phúc T tham gia tố tụng, thủ tục ủy quyền đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Bà Lê Thị T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lê Văn Nh, mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng ông Nh vẫn cố tình vắng mặt, ông Nh xin hoãn phiên tòa nhiều lần nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lý do xin hoãn nên hội đồng xét xử không chấp nhận, căn cứ quy định tại Điếu 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015, tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng: bà Lê Thị Mai Th cho rằng vào ngày 01/10/2016, ông Lê Văn Nh có vay của bà Th số tiền 120.000.000 đồng, ông Nh có viết biên nhận và hẹn trong tháng 10 năm 2016 sẽ trả số tiền trên cho bà Th. Khi đến hạn bà Th đòi nhiều lần nhưng ông Nh chỉ hẹn mà không trả số tiền trên cho bà Th. Do đó bà Th khởi kiện ông Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn Nh trả cho bà Th số tiền gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi; Ông Lê Văn Nh thừa nhận có giao dịch vay tiền của bà Th nhưng số tiền vay lúc đầu chỉ là 100.000.000 đồng, sau đó ông không đóng tiền lãi nên viết lại biên

nhận với bà Th là vay 120.000.000 đồng và ông viết và ký biên nhận nợ nhưng bà Lê Thị T là người trực tiếp nhận tiền. Ông Lê Văn Nh trình bày nhưng không cung cấp chứng cứ gì để chứng minh trong khi bà Lê Thị T cho rằng bà với ông Nh chỉ quen biết nhau và việc ông Nh vay tiền của bà Th không liên quan gì đến bà; ông Nh nhiều lần vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào chứng cứ do bà Lê Thị Mai Th cung cấp cho Tòa án về biên nhận nợ do ông Nh viết và ký tên đã đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mai Th.

[4.2] Đối với số tiền 12.000.000 đồng bà T thấy ông Nh trả bà Th nhưng không biết là tiền gì, người đại diện hợp pháp của bà Th cho rằng đây là số tiền ông Nh tự nguyện đưa cho bà Th chứ không phải tiền gốc hoặc tiền lãi, hơn nữa cả bà Th và ông Nh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Việc ông Lê Văn Nh đề nghị Tòa án cho ông thời gian 03 tháng để ông bán đất trả tiền cho bà Th nhưng bà Th không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4.4] Do bà Lê Thị Mai Th chỉ yêu cầu ông Lê Văn Nh trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng mà ông Nh đã vay của bà, đồng thời vợ của ông Nh là bà Trần Thị Ch có thể hiện ý kiến tại biên bản xác minh ngày 27/11/2017 là bà không biết gì về số tiền ông Nh vay của bà Th và cũng không nghe ông Nh nói gì về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét trách nhiệm liên đới của bà Trần Thị Ch trong vụ án này.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà Lê Thị Mai Th theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 149, 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mai Th về việc yêu cầu ông Lê Văn Nh trả cho bà Th số tiền đã vay là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Buộc ông Lê Văn Nh có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Mai Th số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

2.Trong trường hợp ông Lê Văn Nh chậm trả tiền cho bà Th thì ông Nh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3.Về án phí:

3.1.Buộc ông Lê Văn Nh phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3.2.Hoàn lại cho bà Lê Thị Mai Th 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004594 ngày 17/10/2017.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh